TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2025/DS-PT
Ngày 27 tháng 3 năm 2025
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Phạm Tấn Tài

Các thẩm phán: Ông Lâm Thuận Tùng, bà Nguyễn Thị Thúy Hồng.

- Thư ký phiên tòa: bà Phạm Thị Ngọc Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Hương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 3 năm 2025, tại Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 19/2025/TLPT-DS ngày 05 tháng 02 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"*.

Do Bản án sơ thẩm số 384/2024/DS-ST ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang bị ông Nguyễn Văn M kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 502025/QĐ-PT ngày 13 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn M, sinh năm: 1968; nơi cư trú: Khu vực T, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

1. Bà Hồ Thị Thu T, sinh năm 1981; nơi cư trú: Số E đường C phường H, quận N, thành phố Cần Thơ; địa chỉ liên lạc: khu vực Q, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ. (Theo Giấy ủy quyền ngày 08/7/2024) (vắng mặt).

2. Bà Huỳnh Xuân D, sinh năm 1988; nơi cư trú: Ấp H, xã P, huyện T, tỉnh An Giang (Theo Giấy ủy quyền ngày 25/3/2025) (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Trọng T1, sinh năm 1976; nơi cư trú: Số C, khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ cấp sơ thẩm thể hiện:

Vào ngày 04/01/2023 ông Nguyễn Văn M có cho ông Nguyễn Trọng T1 vay số tiền 220.000.000 đồng để đáo hạn nợ ngân hàng, ông M đã chuyển khoản số tiền 220.000.000 đồng cho ông T1 vay, với lãi suất 2%/tháng, thời hạn vay là 01 ngày, hai bên có làm giấy mượn tiền ngày 04/01/2023 do ông T1 viết và ký tên. Quá trình vay, ông T1 không trả lãi và trả vốn cho ông M.

Sau đó, ông Nguyễn Văn M có cho ông Nguyễn Trọng T1 vay số tiền 230.000.000 đồng (ông M không nhớ ngày cụ thể) để đáo hạn nợ ngân hàng, với lãi suất 2%/tháng, không thoả thuận về thời hạn vay, ông M đã đưa số tiền 230.000.000 đồng trực tiếp cho ông T1 vay, lúc vay số tiền này hai bên không có làm giấy mượn tiền. Quá trình vay, ông T1 không trả lãi cho ông M, đến ngày 24/02/2023 ông T1 chỉ trả vốn cho ông M được số tiền 90.000.000 đồng nên ngày 08/4/2023, ông T1 viết Biên nhận với nội dung: *"Tôi tên Nguyễn Trọng T1 cccdân số 089076017173 có mượn tiền anh M 230 triệu, đến ngày 24/02/2023 trả còn nợ anh M 140.000.000đ, đến ngày 29/4/2023 sẽ hoàn lại anh M 140 triệu và số tiền lãi phát sinh"*. Đến ngày hẹn thanh toán, ông T1 không trả và cố tình né tránh. Ông T1 số tiền vốn 90.000.000 đồng cho ông M bằng hình thức chuyển khoản.

Nay ông Nguyễn Văn M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông ông Nguyễn Trọng T1 trả cho ông M các khoản sau:

Số tiền nợ gốc là 220.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 05/01/2023 đến ngày 08/7/2024 là 18 tháng, tương ứng với số tiền là 65.736.000 đồng (lãi suất 1,66%/tháng).

Số tiền nợ gốc là 140.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 04/4/2023 đến ngày 08/7/2024 là 15 tháng, tương ứng với số tiền 34.860.000 đồng (lãi suất 1,66%/tháng).

Tổng số tiền ông M yêu cầu ông T1 trả là 460.596.000đ ồng, trong đó vốn 360.000.000 đồng, lãi tính đến ngày 08/7/2024 là 100.596.000 đồng. Đồng thời yêu cầu ông T1 phải trả lãi phát sinh trên số dư nợ gốc cho đến khi ông T1 thanh toán xong số nợ trên cho ông M.

Bị đơn: Ông Nguyễn Trọng T1, trình bày: Vào ngày 04/01/2023 ông T1 có vay của ông Nguyễn Văn M số tiền 220.000.000 đồng để đáo hạn nợ ngân hàng, ông M chuyển khoản số tiền 220.000.000 đồng cho ông T1 vay, với lãi suất 0.65%/ngày tức là 19.5%/tháng, thời hạn vay là 01 ngày, hai bên có làm giấy mượn tiền ngày 04/01/2023 do ông T1 viết và ký tên. Đến ngày 05/01/2023, T1 đã chuyển khoản trả cho ông M số tiền 222.400.000 đồng, trong đó vốn 220.000.000 đồng, lãi 2.400.000 đồng. Ông T1 đã chuyển khoản số tiền vốn 220.000.000 đồng và lãi 2.400.000 đồng cho ông M vào số tài khoản của ông M tại Ngân hàng T2 (T3) là 90939844112. Như vậy đối với khoản vay 220.000.000 đồng, ông T1 đã trả cho ông M vào ngày 05/01/2023. Sau đó ông T1 có yêu cầu ông M xé bỏ Giấy mượn tiền ngày 04/01/2023, ông M hứa sẽ xé bỏ nhưng đến nay không xé bỏ mà đi khởi kiện ông T1. Để chứng minh cho phần trình bày của

mình, ông T1 đã cung cấp cho Toà án Sao kê tài khoản ngày 08/11/2024 của Ngân hàng TMCP N – chi nhánh A.

Ngày 06/02/2023, ông T1 có vay của ông Nguyễn Văn M số tiền 230.000.000 đồng để đáo hạn nợ ngân hàng, ông M đã chuyển khoản số tiền này cho ông T1 vay, với lãi suất 0.65%/ngày (tương ứng 19.5%/tháng), thời hạn vay 02 ngày, hai bên không có làm giấy mượn tiền. Quá trình vay, ông T1 đã trả vốn và lãi cho ông M bằng hình thức chuyển khoản vào số tài khoản của ông Nguyễn Văn M tại Ngân hàng T2 (T3) là 90939844112 được tổng số tiền lãi là 34.090.00 0đồng và tổng số tiền vốn là 130.000.000đ, cụ thể như sau:

Ngày 10/02/2023, ông T1 chuyển khoản trả cho ông M số tiền lãi 6.900.000 đồng.

Ngày 15/02/2023, ông T1 chuyển khoản trả cho ông M số tiền lãi 6.900.000 đồng.

Ngày 17/02/2023, ông T1 chuyển khoản trả cho ông M số tiền 52.760.000 đồng, trong đó trả tiền lãi 2.760.000 đồng, trả tiền vốn 50.000.000 đồng.

Ngày 24/02/2023, ông T1 chuyển khoản trả tiền cho ông M 02 lần: Lần 01 chuyển trả số tiền lãi 7.650.000 đồng, lần 2 chuyển trả số tiền vốn 40.000.000 đồng.

Ngày 03/3/2023, ông T1 chuyển khoản trả cho ông M số tiền lãi 5.880.000 đồng.

Ngày 16/3/2023, ông T1 chuyển khoản trả cho ông M số tiền lãi 4.000.000 đồng.

Ngày 25/5/2023, ông T1 chuyển khoản trả cho ông M số tiền vốn 40.000.000 đồng.

Để chứng minh cho phần trình bày trên, ông T1 đã cung cấp cho Toà án Sao kê tài khoản ngày 28/10/2024 của Ngân hàng TMCP N – chi nhánh A và Sao kê tài khoản ngày 28/10/2024 của Ngân hàng TMCP L – chi nhánh A.

Ông T1 thừa nhận vào ngày 08/4/2023, ông T1 có viết Biên nhận với nội dung: *"Tôi tên Nguyễn Trọng T1 cccdân số 089076017173 có mượn tiền anh M 230 triệu, đến ngày 24/02/2023 trả còn nợ anh M 140.000.000đ, đến ngày 29/4/2023 sẽ hoàn lại anh M 140 triệu và số tiền lãi phát sinh"*. Sau khi hai bên chốt số nợ vốn tại Biên nhận ngày 08/4/2023, đến ngày 25/5/2023, ông T1 chuyển khoản trả cho ông M số tiền vốn 40.000.000 đồng thì ngưng cho đến nay.

Như vậy đối với số nợ vay 230.000.000 đồng, ông T1 đã trả vốn cho ông M đến ngày 25/5/2023 được tổng số tiền vốn 130.000.000 đồng và trả lãi đến ngày 16/3/2023 được số tiền 34.090.000 đồng. Hiện tại ông T1 chỉ còn nợ lại ông M số tiền vốn 100.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông M, ông T1 chỉ đồng ý trả cho ông M số tiền vốn 100.000.000 đồng, xin được không trả lãi vì ông T1 đã đóng lãi cho ông M nhiều rồi.

* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 384/2024/DS-ST ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang đã xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn M đối với ông Nguyễn Trọng T1.

Buộc ông Nguyễn Trọng T1 có nghĩa vụ trả cho Nguyễn Văn M số tiền 105.603.000 đồng, trong đó tiền vốn 100.000.000 đồng, tiền lãi 5.603.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 11/12/2024) cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn M về việc yêu cầu ông Nguyễn Trọng T1 trả số tiền 266.277.000đ.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 23/11/2024, ông Nguyễn Văn M có đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 384/2024/DS-ST ngày 11/12/2024 của TAND thành phố L. Yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại vụ án theo trình tự phúc thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn ông Nguyễn Văn M đã có đơn đề nghị rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: yêu cầu chỉ buộc ông Nguyễn Trọng T1 có trách nhiệm trả cho ông tổng số tiền là 105.603.000đ ồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi kể từ ngày 11/12/2024. Ông M giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Bị đơn không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của ông M, thống nhất quyết định của bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu:

+ Về thủ tục tố tụng tại cấp phúc thẩm: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và tuân thủ đúng pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định về phiên tòa phúc thẩm, đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử, thành phần HĐXX, thư ký phiên tòa và thủ tục phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt HĐXX), căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, phúc xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn M, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 384/2024/DS-ST ngày 11/12/2024 của TAND thành phố L, tỉnh An Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm

tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục kháng cáo: Ông Nguyễn Văn M kháng cáo là trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về nội dung kháng cáo: Ông Nguyễn Văn M kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 384/2024/DS-ST ngày 11/12/2024 của TAND thành phố L. Yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại vụ án theo trình tự phúc thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3]. Xem xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, HĐXX xét thấy:

Đối với số tiền vay 220.000.000 đồng vào ngày 04/01/2023: Ông M cho rằng ông T1 chưa trả số tiền này nhưng ông T1 khẳng định đã trả số tiền này cùng với tiền lãi 2.400.000 đồng cho ông M vào ngày 05/01/2023 bằng hình thức chuyển khoản vào số tài khoản 90939844112 của ông M tại Ngân hàng thương mại cổ phần T2. Xét thấy, tại Biên bản lấy khai ngày 08/11/2024 và tại phiên toà sơ thẩm, người đại diện theo uỷ quyền của ông M cho rằng số tiền 222.400.000 đồng mà ông T1 đã chuyển khoản cho ông M vào ngày 05/01/2023 là trả cho khoản vay khác không phải là trả cho số tiền đã vay vào ngày 04/01/2023 nhưng ngoài lời khai ra bà cũng không chứng minh được ông T1 đã trả số tiền này cho khoản vay nào. Mặt khác, theo Giấy mượn tiền ngày 04/01/2023 thì thời hạn trả cho khoản vay này là ngày 05/01/2023, điều này phù hợp với thời gian mà ông T1 đã chuyển khoản trả cho ông M số tiền 222.400.000 đồng. Tại Đơn khởi kiện ngày 08/7/2024, ông M cũng xác định những lần vay tiền trước thì ông T1 rất uy tín và trả đúng hạn. Điều này chứng minh rằng nếu như ông T1 không trả số tiền này thì chắc chắn rằng ông M sẽ không tiếp tục cho ông T1 vay số tiền 230.000.000 đồng vào ngày 06/02/2023. Do đó, ông M khởi kiện yêu cầu ông T1 trả số tiền 220.000.000 đồng là không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với số tiền vay 230.000.000 đồng vào ngày 06/02/2023. Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo uỷ quyền của ông M và ông T1 đều thừa nhận đến ngày 24/02/2023, ông T1 đã chuyển khoản trả cho ông M được số tiền vốn là 90.000.000 đồng, ông T1 còn nợ lại số tiền vốn 140.000.000 đồng. Điều này phù hợp với nội dung Biên nhận ngày 08/4/2023 do ông T1 viết và ký tên. Ông M cho rằng hiện nay ông T1 còn nợ ông M số tiền 140.000.000 đồng, ông T1 chỉ thừa nhận còn nợ lại ông M 100.000.000 đồng do ngày 25/5/2023 ông T1 đã chuyển khoản vào số tài khoản 90939844112 của ông M tại Ngân hàng thương mại cổ phần T2 trả cho ông M số tiền vốn 40.000.000 đồng. Tại Biên bản lấy khai ngày 08/11/2024 và tại phiên toà, bà T cho rằng số tiền 40.000.000 đồng mà ông T1 đã chuyển khoản cho ông M vào ngày 25/5/2023 là trả cho khoản vay khác không phải là số tiền đã vay vào ngày 06/02/2023 nhưng ngoài lời khai ra bà T cũng không chứng minh được ông T1 đã trả số tiền này cho khoản vay nào. Do đó, có căn cứ để xác định số tiền vay 230.000.000 đồng ông T1 đã trả cho ông M được số tiền vốn 130.000.000 đồng, còn nợ lại

100.000.000 đồng và cần buộc ông T1 có trách nhiệm trả cho ông M số tiền còn nợ lại 100.000.000 đồng.

Về lãi suất:

Đối với số tiền vay 220.000.000đồng theo Giấy mượn tiền ngày 04/01/2023 và Biên nhận ngày 08/4/2024 do ông T1 viết và ký tên thì không thể hiện lãi suất nhưng vào ngày 05/01/2023 ông T1 đã chuyển khoản trả cho ông M số tiền vay 220.000.000 đồng cùng với tiền lãi 2.400.000 đồng. Theo quy định thì tiền lãi từ ngày 04/01/2023 đến ngày 05/01/2023 được tính là 120.548 đồng (220.000.000 đồng x 20%/năm x 01 ngày/365 = 120.548 đồng). Tuy nhiên, ông T1 không tranh chấp tiền lãi đã trả cho ông M nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với số tiền vay 230.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền ngày theo Giấy mượn tiền ngày 06/02/2023 ông T1 đã đã trả lãi cho ông M bằng hình thức chuyển khoản vào số tài khoản 90939844112 của ông M tại Ngân hàng thương mại cổ phần T2 được tổng số tiền 34.090.000 đồng. Do đó, số tiền lãi được tính như sau:

Tiền lãi từ ngày 06/02/2023 đến ngày 16/02/2023 là 10 ngày: 230.000.000 đồng x 20%/năm x 10 ngày/365 = 1.260.274 đồng.

Tiền lãi từ ngày 17/02/2023 đến ngày 23/02/2023 là 06 ngày: 180.000.000 đồng x 20%/năm x 10 ngày/365 = 591.781 đồng.

Tiền lãi từ ngày 24/02/2023 đến ngày 24/5/2023 là 89 ngày: 140.000.000 đồngx 20%/năm x 10 ngày/365 = 6.827.397 đồng.

Tiền lãi từ ngày 25/5/2023 đến ngày 11/12/2024 là 566 ngày: 100.000.000 đồng x 20%/năm x 10 ngày/365 = 31.013.699 đồng.

Tổng số tiền lãi mà ông T1 phải trả cho ông M là: 1.260.274 đồng + 591.781 đồng + 6.827.397 đồng + 31.013.699 đồng = 39.693.151 đồng (làm tròn 39.693.000 đồng).

Ông T1 đã trả cho ông M được số tiền lãi 34.090.000 đồng nên ông T1 phải trả thêm cho ông M số tiền lãi là: 39.693.000 đồng - 34.090.000 đồng = 5.603.000 đồng.

Như vậy ông T1 phải có nghĩa vụ trả cho ông M tổng số tiền 105.603.000 đồng, trong đó tiền vốn 100.000.000 đồng, tiền lãi 5.603.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Văn M đã có đơn đề nghị rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể chỉ yêu cầu buộc ông Nguyễn Trọng T1 có trách nhiệm trả cho ông tổng số tiền là 105.603.000 đồng theo như Bản án sơ thẩm đã tuyên, không yêu cầu ông T1 phải trả lại số tiền vay 220.000.000 đồng và lãi của lần vay ngày 04/01/202; yêu cầu tiếp tục tính lãi kể từ ngày 11/12/2024, nhưng không rút yêu cầu kháng cáo mục đích cho việc rút một phần yêu cầu khởi kiện là để không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền vay 220.000.000 đồng và lãi của lần vay ngày 04/01/2023. Hội đồng xét xử tiếp tục tiến hành xét xử phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Từ những căn cứ nêu trên đã cho thấy có đủ cơ sở để xác định ông T1 hiện chỉ còn nợ ông M số tiền vốn là 100.000.000 đồng, Tòa án sơ thẩm chấp nhận một phần khởi kiện của ông Nguyễn Văn M buộc ông T1 phải trả lại cho ông số tiền 100.000.000 đồng và lãi suất là 5.603.000đồng là có căn cứ.

Đối với số tiền vay 220.000.000 đồng và lãi của lần vay ngày 04/01/2023. Việc Tòa án sơ thẩm không chấp nhận một phần khởi kiện của ông Nguyễn Văn M về việc yêu cầu ông Nguyễn Trọng T1 trả số tiền 266.277.000 đồng (gồm số tiền vốn vay 220.000.000 đồng và lãi suất của lần vay ngày 04/01/2023) là có căn cứ.

Theo quy định tại khoản 6 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 " Trường hợp nguyên đơn rút đơn khởi kiện trước khi mở phiên tòa phúc thẩm hoặc tại phiên tòa phúc thẩm và được bị đơn đồng ý thì các đương sự vẫn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm". Do đó, không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông M.

Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông M, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp với nhận định trên nên có căn cứ để chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên ông Nguyễn Văn M phại chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn M.

- Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 384/2024/DS-ST ngày 11/12/2024 của TAND thành phố L, tỉnh An Giang:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn M đối với ông Nguyễn Trọng T1.

Buộc ông Nguyễn Trọng T1 có nghĩa vụ trả cho Nguyễn Văn M số tiền 105.603.000 đồng, trong đó tiền vốn 100.000.000 đồng , tiền lãi 5.603.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 11/12/2024) cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn M về việc yêu cầu ông Nguyễn Trọng T1 trả số tiền 266.277.000 đồng.

Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn M phải chịu 13.313.850 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào 11.211.920 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001636 ngày 17/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố L. Ông Nguyễn Văn M phải nộp thêm số tiền 2.102.000 đồng.

Ông Nguyễn Trọng T1 phải chịu 5.280.000 đồngt iền án phí dân sự sơ thẩm.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn M phải chịu 300.000 ồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ theo biên lai thu số 0002027 ngày 02/012025 nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố L (ông đã nộp xong).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Những phần không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
-VKSND tỉnh An Giang;
- TAND thành phố L;
- Chi cục THA thành phố L;
- Đương sự;
- Tòa Dân sự;
- Lưu hs.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Tấn Tài